TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2023/DS-ST Ngày 31-3-2023 "V/v Tr chấp thừa kế tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh và bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 về "Tr chấp thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Triệu Quang Tr, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Ninh Văn L - Luật sư Văn phòng luật sư B, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Chị Triệu Thị T, sinh năm 1981

Địa chỉ: TDP T 5, phường X, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T: Anh Triệu Văn T1, sinh năm 1978; địa chỉ: Đội 10, thôn Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Triệu Văn T1, sinh năm 1978

Địa chỉ: Đội 10, thôn Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội.

2. Chị Triệu Thị N, sinh năm 1986

Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang sinh sống tại Nhật Bản.

Người đại diện theo ủy quyền của chị N: Chị Triệu Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: TDP T, phường X, quận B, thành phố Hà Nội.

3. Cụ Phạm Thị T2, sinh năm 1937

Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở: Số nhà 23, tổ 5 khu T, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

4. Ông Trịnh Đức K, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

5. Bà Đinh Thị Th, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thoan: Ông Triệu Quang Tr, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn Bích T, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

6. Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Th, chức vụ: Chủ tịch.

Tại phiên tòa có mặt ông Tr, anh T1, ông Lực. Cụ T2, ông K và đại diện Ủy ban nhân dân xã H, huyện T có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Triệu Quang Tr trình bày: Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị L năm 1978. Quá trình chung sống, ông và bà L sinh được 03 người con chung là anh Triệu Văn T1, chị Triệu Thị T và chị Triệu Thị N. Bà L chết ngày 01/9/2016, không để lại di chúc và nghĩa vụ về tài sản nào khác. Bố bà L đã chết trước bà L, mẹ bà L là cụ Phạm Thị T2 hiện còn sống. Trong thời kỳ hôn nhân, ông và bà L đã tạo lập được khối tài sản chung gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 41a và thửa đất số 213a, thuộc tờ bản đồ số 12 tại thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương đều đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Tr, bà L năm 2010 (hai thửa đất trên cùng một khuôn viên, không có ranh giới) và 01 ngôi nhà mái bằng 03 gian xây trên đất. Sau khi bà L chết, ông là người trực tiếp quản lý và sử dụng nhà đất trên và cho ông Khiên là hàng xóm thuê một phần đất để làm kho, ông K đã dựng một phần mái tôn của nhà kho lên đất. Năm 2021, ông kết hôn với bà Đinh Thị Th, sau đó ông và bà Th ở trên nhà đất này. Quá trình ở trên nhà đất, ông và bà Th đã tu sửa ngôi nhà mái bằng 03 gian, xây bếp, lợp mái tôn…Ông Tr đề nghị Tòa án chia di sản của bà L là ½ diện tích đất nêu trên theo quy định của pháp luật và xin được hưởng di sản của bà L bằng hiện vật là quyền sử dụng đất. Đối với ngôi nhà mái bằng 03 gian, do thời gian xây dựng đã lâu, giá trị không còn nhiều, việc chia đất sẽ ảnh hưởng đến ngôi nhà nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế đối với ngôi nhà nêu trên. Ông đề nghị Tòa án chia 02 thửa đất theo chiều dọc, ranh giới chia song song với thửa đất của gia đình ông Huỳnh để các phần đất được chia có chiều sâu, thuận tiện cho việc sử dụng. Giao cho anh T1 được hưởng phần đất giáp đất gia đình ông H, phần đất còn lại thì giao cho ông. Hiện trạng thực tế thửa đất của ông và bà L lớn hơn diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do gia đình ông đang sử dụng một phần đất là hành lang giao thông đường thôn. Ông đề nghị Tòa án chỉ chia thừa kế đối với diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp, đối với diện tích đất giao thông đường thôn ông đề nghị giải

quyết theo quy định của pháp luật. Đối với việc cho ông K thuê một phần đất để làm nhà xưởng, ông và ông Khiên sẽ tự thỏa thuận giải quyết, không đề nghị Tòa án ghi nhận.

Bị đơn chị Triệu Thị T trình bày: Về mối quan hệ gia đình, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà L, thời điểm chết; di sản của bà L, hiện trạng sử dụng đất thống nhất như nguyên đơn trình bày nêu trên. Chị đồng ý nhận phần di sản thừa kế mà chị N được hưởng từ mẹ chị tặng cho chị và chị tặng cho lại anh T1 toàn bộ phần di sản thừa kế mà chị được hưởng từ mẹ chị và phần di sản thừa kế chị N tặng cho chị. Anh T1 phải chịu toàn bộ nghĩa vụ án phí và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Chị đề nghị Tòa án chia cho anh T1 được hưởng phần di sản thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Phạm Thị T2 trình bày: Về mối quan hệ gia đình, thời điểm chết; di sản của bà L, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà L thống nhất như nguyên đơn trình bày nêu trên. Cụ T2 tặng cho phần di sản thừa kế mà cụ được hưởng từ bà L cho anh T1. Anh T1 phải chịu toàn bộ nghĩa vụ án phí và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Do tuổi cao, điều kiện đi lại khó khăn nên cụ đề nghị Tòa án cho cụ được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án các cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Triệu Thị N trình bày: Về mối quan hệ gia đình, thời điểm chết; di sản của bà L, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà L thống nhất như nguyên đơn trình bày nêu trên. Chị N tặng cho phần di sản thừa kế mà chị được hưởng từ bà L cho chị T là bị đơn và ủy quyền cho chị T thay mặt chị tham gia tố tụng với Tòa án các cấp, chị T có toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Triệu Văn T1 trình bày: Về mối quan hệ gia đình, thời điểm chết; di sản của bà L, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà L, hiện trạng sử dụng đất thống nhất như nguyên đơn trình bày nêu trên. Anh đồng ý nhận việc cho tặng các phần di sản thừa kế của cụ T2, chị N, chị T và đồng ý về phương án phân chia di sản là quyền sử dụng đất và không chia thừa kế đối với ngôi nhà mái bằng 03 gian như ý kiến của nguyên đơn nêu trên. Ngoài di sản của bà L là quyền sử dụng đất anh không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản nào khác. Đối với phần đất thuộc hành lang giao thông đường thôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu anh được chia phần đất có phần tài sản là nhà xưởng của ông K thì anh và ông K sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không đề nghị Tòa án ghi nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Đức K trình bày: Sau khi bà L chết, ông có hợp đồng với ông Tr về việc cho xây dựng nhà xưởng bằng tôn trên thửa đất của ông Tr, bà L. Nay, ông Tr khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất, ông không yêu cầu Tòa án định giá tài sản và giải quyết về quyền lợi gì trên đất. Sau này nếu tài sản của ông nằm trên phần đất của đương sự nào được chia thừa kế thì ông và đương sự đó tự thỏa thuận với nhau. Nếu đương sự yêu cầu ông

tháo dỡ nhà xưởng thì ông hoàn toàn nhất trí tháo dỡ để kết thúc hợp đồng với ông Tr.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Th trình bày: Bà kết hôn với ông Tr năm 2021, khi về chung sống với ông Tr bà có cùng ông Tr sửa lại nhà mái bằng 03 gian, lợp mái tôn, xây bếp. Trong vụ án này, nếu bà có quyền lợi, công sức gì thì bà đề nghị cho ông Tr được hưởng. Bà ủy quyền cho ông Tr thay mặt bà tham gia tố tụng với Tòa án các cấp, ông Tr có toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Đại diện Uỷ ban nhân dân xã H, huyện T trình bày: Thông tin về thửa đất số 41a và thửa đất số 213a, tờ bản đồ số 12 như nguyên đơn trình bày nêu trên. Đối với diện tích đất dôi dư nằm ngoài diện tích mà ông Tr và bà L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là diện tích đất giao thông đường thôn do Uỷ ban nhân dân xã H quản lý đề nghị Tòa án không chia thừa kế cho các đương sự, các đương sự được tiếp tục sử dụng phần đất này đến khi Nhà nước có nhu cầu sử dụng thì phải trả lại.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thể hiện: Toàn bộ hiện trạng khuôn viên thửa đất ông Tr đang quản lý, sử dụng = 321,6m^2. Giá trị quyền sử dụng đất ở nông thôn = 4.500.000 đồng/m^2.

Tại phiên tòa:

Ông Tr giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày toàn bộ ý kiến như nêu trên. Ông xác định cạnh của các thửa đất vẫn đảm bảo như được ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên diện tích có thể sai số do tính toán khi cấp Giấy chứng nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xác định lại cho đúng. Việc chia di sản thừa kế bằng hiện vật sẽ ảnh hưởng đến giá trị sử dụng toàn bộ công trình và sản khác trên đất nên ông đồng ý sẽ phá bỏ công trình để trả lại mặt bằng và ranh giới chia đất cho các bên. Đối với chi phí giám định tài liệu của chị N gửi từ nước ngoài về ông tự nguyện chịu cả, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với chi phí thẩm định và định giá tài sản ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh T1 giữ nguyên quan điểm đã trình bày với Tòa án trước đây như nêu ở phần trên; đồng ý với ý kiến của ông Tr tại phiên tòa. Đối với công trình xây dựng trên đất anh đồng ý phá bỏ để trả lại mặt bằng và ranh giới chia đất cho các bên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Tr đề nghị Tòa án chấp nhận ý kiến và sự thỏa thuận nêu trên của ông Tr và anh T1. Đề nghị HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Tr vì ông Tr là người cao tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia di sản thừa kế của bà L là 1/2 diện tích đất thuộc các thửa số 41a và 213a, tờ bản đồ số 12 tại thôn B, xã H, huyện T = 128,85m^2, trị giá 579.825.000 đồng. Chia di sản thừa kế

của bà L thành 05 kỷ phần, mỗi kỷ phần = 25,77m^2 đất, trị giá 115.965.000 đồng. Chấp nhận sự tự nguyên của cụ T2, chị T và chị N về việc tặng cho anh T1 phần di sản mà họ được hưởng từ bà L. Chia cho anh T1 được hưởng 103,1m^2, trị giá 463.950.000 đồng. Giao cho ông Tr được hưởng 154,6m^2 đất là phần di sản mà ông Tr được hưởng từ bà L và ½ diện tích đất là tài sản của ông trong khối tài sản chung với bà L. Tạm giao phần đất giao thông đường thôn cho ông Tr và anh T1 sử dụng tương ứng với cạnh đất mặt đường thôn được chia. Về chi phí tố tụng và án phí đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả Tr luận tại phiên tòa, Hội dồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án Tr chấp về "Thừa kế tài sản", người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Triệu Thị N đang cư trú tại Nhật Bản nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa vắng mặt cụ T2, ông Khiên và đại diện Ủy ban nhân dân xã H, huyện T. Tuy nhiên, những người này đã có quan điểm để nghị xét xử vắng mặt. Nên, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về xác định di sản thừa kế:

Xét lời khai thống nhất của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Trong thời kỳ hôn nhân, ông Tr và bà L được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 41a và thửa đất số 213a, tờ bản đồ số 12 tại thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Số đo các cạnh của các thửa đất được thể hiện rõ trên phần sơ đồ thửa đất trong các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quá trình sử dụng đất ổn định, không Tr chấp với các hộ liền kề. Tuy nhiên, tổng diện tích 02 thửa đất được ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cộng lại là 248,5m^2 là chưa chính xác, có sự sai số do tính toán khi cấp Giấy chứng nhận. Sau khi tính toán lại, HĐXX xác định tổng diện tích trong 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 257,7m^2. Đây là tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất của của ông Tr và bà L theo Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy, di sản của bà L là ½ diện tích đất trên = 128,85m^2, trị giá 579.825.000 đồng. Bà L chết không để lại di chúc và nghĩa vụ nào về tài sản, nên ông Tr khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối di sản của bà L theo pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì hiện trạng 02 thửa đất có tổng diện tích = 321,6m^2, tăng 63,9m^2 so với diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các đương sự và Uỷ ban nhân dân xã H đều xác định gia đình ông Tr đang sử dụng một phần đất là hành lang giao thông đường thôn do UBND xã quản lý. Hai thửa đất nêu trên có chung một khuôn viên, có 02 cạnh đất giáp đường thôn, 02 cạnh đất

còn lại giáp đất gia đình ông H và gia đình ông K, các bên đã xây công trình kiên cố và tường bao không có Tr chấp. Xem xét sơ đồ đo vẽ trong quá trình xem xét thẩm định tại chỗ và kích thước hình thể các thửa đất được thể hiện trong hồ sơ địa chính và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có căn cứ xác định diện tích đất thuộc hành lang giao thông đường thôn là 63,9m^2 là diện tích đất tăng thêm như nêu ở trên. Phần diện tích đất này cần tạm giam cho các đương sự được tiếp tục sử dụng để đảm bảo việc đi lại vào thửa đất được chia đến khi Nhà nước thực hiện cách chính sách về đất đai đối với phần đất này thì các bên phải chấp hành.

Đối với 01 ngôi nhà mái bằng 03 gian là tài sản chung của ông Tr, bà L và một số tài sản khác của ông Tr và bà Th tôn tạo, xây dựng trên đất, ông Tr và anh T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng ý phá bỏ để trả lại mặt bằng và ranh giới chia đất cho các bên. Xét đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các bên nên cần được chấp nhận. HĐXX không xem xét giải quyết đối với toàn bộ tài sản trên đất. Trường hợp ranh giới chia đất vào phần công trình nào thì các bên sẽ cùng phá bỏ; những tài sản nào còn giá trị sử dụng nằm trên phần đất được chia thì đương sự đó có quyền sở hữu, sử dụng.

Đối với việc ông Khiên xây dựng một phần nhà xưởng trên đất, các đương sự không yêu cầu giải quyết, xét đây là sự tự nguyện của các bên đương sự nên cần được chấp nhận, HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.2] Về xác định hàng thừa kế và phân chia di sản:

Bà L và ông Tr có 03 người con chung là anh T1, chị T và chị N. Bà L chết ngày 01/9/2016, bố bà L đã chết trước bà L, mẹ bà L là cụ T2 còn sống. Do vậy, tại thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế thứ nhất của bà L gồm 05 người là cụ T2, ông Tr, anh T1, chị T, chị N. Di sản của bà L trị giá 579.825.000 đồng, được chia thành 05 phần cho những người được hưởng thừa kế nêu trên, mỗi phần trị giá 115.965.000 đồng.

Chị N tặng cho chị T phần di sản thừa kế mà mình được hưởng; chị T tặng cho lại anh T1 phần di sản thừa kế nhận từ chị N và phần di sản thừa kế mà chị được hưởng; cụ T2 tặng cho anh T1 phần di sản thừa kế mà cụ được hưởng. Xét việc cho nhận di sản thừa kế nêu trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được ghi nhận. Anh T1 được hưởng 04 phần di sản thừa kế trị giá 463.950.000 đồng.

Về chia hiện vật: Xem xét hiện trạng thửa đất, cũng như ý kiến thống nhất của ông Tr và anh T1, HĐXX thấy rằng việc chia khuôn viên thửa đất theo chiều dọc, ranh giới chia đất song song với cạnh đất giáp ranh với thửa đất của gia đình ông H là phù hợp. Giao cho anh T1 diện tích đất 103,1m^2, có cạnh giáp ranh với đất của gia đình ông H. Giao cho ông Tr phần đất còn lại bao gồm 25,77m^2 là phần di sản thừa kế mà ông được hưởng của bà L cùng diện tích đất của ông trong khối tài sản chung với bà L (128,85m^2), tổng diện tích = 154,6m^2.

[2.3] Về chi phí giám định: Ông Tr là người yêu cầu Tòa án giám định tài liệu của chị N gửi từ nước ngoài về và đã nộp tiền chi phí giám định, tại phiên tòa ông Tr tự nguyện chịu cả, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.700.000 đồng, ông Tr đã nộp, tại phiên tòa ông đề HĐXX giải quyết khoản tiền này theo quy định của pháp luật. Do vậy, anh T1 phải thanh toán trả ông Tr số tiền tương ứng với các phần thừa kế được hưởng.

[2.5] Về án phí: Ông Tr là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Anh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần thừa kế được hưởng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 5 Điều 26, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 158, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Quang Tr về chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị L theo pháp luật.

[1] Xác định thời điểm mở thừa kế của bà Nguyễn Thị L là ngày 01/9/2016. Những người được hưởng di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị L gồm: Cụ Phạm Thị T2, ông Triệu Quang Tr, anh Triệu Văn T1, chị Triệu Thị T, chị Triệu Thị N.

[2] Xác nhận di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị L là quyền sử dụng 128,85m^2 đất ở nông thôn, thuộc thửa số 41a và thửa số 213a, tờ bản đồ 12 thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương trị giá 579.825.000 đồng.

Chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị L thành 05 phần, mỗi phần = 25,77m^2 đất ở nông nông, trị giá 115.965.000 đồng.

Chấp nhận sự tự nguyện của cụ Phạm Thị T2, chị Triệu Thị T, chị Triệu Thị N về việc tặng cho anh Triệu Văn T1 phần di sản thừa kế mà họ được hưởng.

[3] Về chia hiện vật:

Giao cho ông Triệu Quang Tr được quyền sử dụng 154,6m^2 đất ở nông thôn, được xác định bởi các điểm B1, B2, B4, B5 đến B1.

Giao cho anh Triệu Văn T1 được quyền sử dụng 103,1m^2 đất ở nông thôn trị giá 463.950.000 đồng, được xác định bởi các điểm B2, A4, B3, B4 đến B2.

Tạm giao cho ông Triệu Quang Tr được sử dụng 48,3m^2 đất hành lang giao thông đường thôn được giới hạn bởi các điểm A3, B1, B5, B4, B6, A1, A2 đến A3 đến khi nào Nhà nước có nhu cầu sử dụng thì phải trả lại.

Tạm giao cho anh Triệu Văn T1 được sử dụng 15,6m^2 đất hành lang giao thông đường thôn được giới hạn bởi các điểm B4, B3, A5, B6 đến B4 đến khi nào Nhà nước có nhu cầu sử dụng thì phải trả lại.

Trường hợp ranh giới chia đất vào phần công trình nào thì các bên sẽ cùng phá bỏ; những tài sản nào còn giá trị sử dụng nằm trên phần đất được chia thì đương sự đó có quyền sở hữu, sử dụng.

(Có sơ đồ kèm theo bản án).

Ông Triệu Quang Tr và anh Triệu Văn T1 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục hợp hóa đối với phần đất được chia theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Anh Triệu Văn T1 phải có nghĩa vụ thanh toán trả ông Triệu Quang Tr số tiền 3.760.000 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[5] Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Triệu Quang Tr. Anh Triệu Văn T1 phải chịu 23.197.500 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án về những nội dung trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những nội dung trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: TA, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lâm